

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp (lĩnh vực chăn nuôi, thú y) năm 2026 và kế hoạch năm 2027

Thực hiện Công văn số 820/CNTY-CN ngày 09 tháng 10 năm 2026 của Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Quảng Ngãi về việc báo cáo tình hình thực hiện Kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp (lĩnh vực chăn nuôi, thú y) năm 2026; xây dựng kế hoạch năm 2027, UBND xã Sơn Tây Thượng báo cáo như sau:

I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI NĂM 2026

1. Tình hình đàn vật nuôi và thực hiện các chỉ tiêu phát triển chăn nuôi

Theo số liệu thống kê, tổng đàn vật nuôi trên địa bàn xã hiện có 15.070 con, gồm trâu, bò, dê, lợn và gia cầm. Cụ thể như sau:

STT	Loại vật nuôi	Số lượng (con)
1	Trâu	592
2	Bò	2.525
3	Dê	287
4	Lợn	3.130
5	Gia cầm	8.536
	Tổng cộng	15.070

Trong cơ cấu đàn vật nuôi, gia cầm có số lượng lớn nhất với 8.536 con, tiếp đến là lợn 3.130 con, bò 2.525 con, trâu 592 con và dê 287 con.

Đối với chỉ tiêu tình giao cho UBND xã tại Quyết định số 289/QĐ-UBND ngày 18/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc giao chỉ tiêu Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2026. Đàn trâu 589 con, thực hiện 592 con, đạt 100,51%; đàn bò 2.523 con, thực hiện 2.525 con, đạt 100,08%; đàn lợn 3.127 con, thực hiện 3.130 con, đạt 100,1%; sản lượng thịt hơi xuất chuồng 575 tấn, thực hiện 580 tấn, đạt 100,87%.

2. Tình hình ứng dụng công nghệ cao trong chăn nuôi

Với điều kiện địa bàn miền núi, quy mô chăn nuôi chủ yếu phân tán theo hộ, định hướng phù hợp là từng bước áp dụng kỹ thuật chăm sóc, nuôi dưỡng, vệ sinh chuồng trại, xử lý chất thải, sử dụng thức ăn hợp lý và ghi chép thông tin đàn vật nuôi; khuyến khích mô hình có điều kiện về vốn, kỹ thuật và đầu ra.

3. Công tác quản lý giống vật nuôi

Hoạt động mua bán, vận chuyển con giống trên địa bàn xã, người chăn nuôi tự mua chưa kiểm soát được. Trong thời gian tới tăng cường tuyên truyền người chăn nuôi lựa chọn con giống có nguồn gốc rõ ràng, theo dõi tình hình nhập đàn và phối hợp cơ quan chuyên môn khi phát hiện dấu hiệu bất thường.

4. Kiểm tra điều kiện chăn nuôi đối với cơ sở trang trại quy mô vừa và nhỏ

UBND xã sẽ chỉ đạo bộ phận chuyên môn rà soát, lập danh sách cơ sở (nếu có), hướng dẫn thực hiện các yêu cầu về điều kiện chăn nuôi, vệ sinh môi trường, xử lý chất thải theo quy định.

5. Đánh giá chung

a) Kết quả đạt được: UBND xã đã tổ chức rà soát, thống kê tổng đàn gia súc, gia cầm trên địa bàn xã; có số liệu nền phục vụ công tác quản lý đàn vật nuôi và dự kiến nhu cầu vắc xin, hóa chất.

b) Hạn chế: Số liệu hiện có chủ yếu phản ánh quy mô tổng đàn tại thời điểm thống kê; chưa đủ chuỗi số liệu để đánh giá tăng, giảm so với đầu năm hoặc năm trước. Chưa có ứng dụng công nghệ cao, quản lý giống, kiểm tra điều kiện chăn nuôi, tiêm phòng và tình hình dịch bệnh.

c) Nguyên nhân: Công tác thống kê hiện tập trung vào tổng đàn theo thôn; dữ liệu chuyên sâu về sản lượng, giống, dịch bệnh, tiêm phòng và điều kiện cơ sở chăn nuôi còn quy mô nông hộ. Địa bàn miền núi, chăn nuôi phân tán theo hộ cũng đặt ra yêu cầu phải phối hợp thường xuyên giữa thôn và bộ phận chuyên môn để cập nhật dữ liệu.

II. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CHĂN NUÔI NĂM 2027

1. Mục tiêu

Quản lý, phát triển đàn vật nuôi phù hợp điều kiện tự nhiên và tập quán sản xuất của địa phương; nâng cao hiệu quả chăn nuôi hộ gia đình, chủ động phòng chống dịch bệnh, bảo đảm an toàn sinh học, vệ sinh môi trường; từng bước cải thiện chất lượng con giống, năng suất và hiệu quả kinh tế. Thực hiện thống kê, báo cáo đầy đủ, kịp thời phục vụ quản lý nhà nước và đăng ký nhu cầu vắc xin, hóa chất.

2. Chỉ tiêu dự kiến năm 2027

(Có bảng phụ lục chỉ tiêu đính kèm)

3. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu

3.1. Rà soát, quản lý đàn vật nuôi: Tổ chức cập nhật tổng đàn theo từng thôn, nhóm vật nuôi; ghi nhận tình hình tăng, giảm, tái đàn và biến động bất thường. Định kỳ đối chiếu số liệu giữa trưởng thôn, người chăn nuôi và bộ phận chuyên môn; tổng hợp đúng biểu mẫu, thời hạn quy định.

3.2. Phòng, chống dịch bệnh động vật: Chủ động giám sát dịch bệnh đến hộ chăn nuôi; hướng dẫn phát hiện, khai báo và xử lý kịp thời khi vật nuôi có biểu

hiện bất thường; không giấu dịch, không mua bán, vận chuyển động vật mắc bệnh hoặc nghi mắc bệnh. Xây dựng nhu cầu vắc xin, hóa chất theo tổng đàn và hướng dẫn của cơ quan chuyên môn; tổ chức tiêm phòng, vệ sinh, tiêu độc khử trùng theo kế hoạch được phê duyệt.

3.3. Quản lý giống và an toàn sinh học: Tuyên truyền sử dụng con giống có nguồn gốc rõ ràng; khuyến cáo cách ly vật nuôi mới nhập đàn, vệ sinh chuồng trại, bảo đảm thức ăn và nước uống, kiểm soát người và phương tiện ra vào khu vực chăn nuôi; hướng dẫn xử lý chất thải, xác động vật đúng quy định.

3.4. Phát triển chăn nuôi phù hợp địa phương: Khuyến khích cải thiện chuồng trại, chăm sóc và nuôi dưỡng; tận dụng nguồn thức ăn sẵn có nhưng bảo đảm khẩu phần và dự trữ thức ăn trong mùa mưa rét, thời điểm khan hiếm. Tuyên truyền không phát triển đàn vượt quá khả năng cung cấp thức ăn, lao động, vốn và điều kiện vệ sinh môi trường của hộ.

3.5. Ứng dụng kỹ thuật và từng bước chuyển đổi số: Hướng dẫn hộ chăn nuôi ghi chép tối thiểu về số lượng, nguồn gốc, sinh sản, tiêm phòng và tình hình dịch bệnh; tổng hợp dữ liệu theo thôn bằng biểu mẫu thống nhất để phục vụ dự báo, báo cáo và đăng ký vật tư thú y. Khi có chương trình hỗ trợ, ưu tiên mô hình phù hợp quy mô hộ và điều kiện địa bàn.

3.6. Kiểm tra, hướng dẫn cơ sở chăn nuôi: Rà soát các cơ sở thuộc diện quản lý, hướng dẫn thực hiện yêu cầu về điều kiện chăn nuôi, môi trường và an toàn sinh học; phối hợp cơ quan chuyên môn kiểm tra theo thẩm quyền, ghi nhận tồn tại và hướng dẫn khắc phục.

3.7. Tuyên truyền: Lòng ghép nội dung chăn nuôi an toàn, phòng chống dịch bệnh, tiêm phòng, vệ sinh tiêu độc khử trùng và bảo vệ môi trường qua họp thôn, hệ thống truyền thanh và các hình thức phù hợp với điều kiện người dân.

4. Phân công thực hiện

a) UBND xã: Chỉ đạo chung; xem xét phê duyệt kế hoạch, phối hợp cơ quan chuyên môn cấp tỉnh và các đơn vị liên quan; chỉ đạo rà soát số liệu, xử lý tình huống dịch bệnh theo thẩm quyền.

b) Trung tâm Cung ứng dịch vụ công xã: Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, phối hợp tổng hợp số liệu đàn vật nuôi từng thôn; tham mưu đăng ký nhu cầu vắc xin, hóa chất; hướng dẫn, tuyên truyền kỹ thuật chăn nuôi và phòng, chống dịch bệnh; theo dõi, tổng hợp báo cáo định kỳ, đột xuất.

c) Trưởng các thôn: Phối hợp rà soát, cập nhật biến động đàn vật nuôi; tuyên truyền người dân thực hiện biện pháp phòng bệnh; kịp thời thông tin cho UBND xã và bộ phận chuyên môn khi phát hiện vật nuôi ốm, chết bất thường hoặc nguy cơ phát sinh dịch bệnh.

d) Hộ chăn nuôi: Thực hiện hướng dẫn chuyên môn về chăm sóc, vệ sinh, tiêm phòng; chủ động khai báo khi có dịch bệnh hoặc vật nuôi chết bất thường; chấp hành các quy định về chăn nuôi, thú y và môi trường.

III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT

1. Đề nghị Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Quảng Ngãi hướng dẫn hỗ trợ chuyên môn trong công tác giám sát dịch bệnh, quản lý giống, điều kiện chăn nuôi và xây dựng nhu cầu vắc xin, hóa chất.

2. Đề nghị cơ quan chuyên môn cấp trên quan tâm bố trí, phân bổ vắc xin, hóa chất và tài liệu tuyên truyền phù hợp với điều kiện chăn nuôi địa bàn miền núi.

3. Đề nghị tổ chức tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật chăn nuôi an toàn sinh học, dự trữ thức ăn, vệ sinh môi trường, ghi chép dữ liệu đàn vật nuôi và xử lý khi phát sinh dịch bệnh.

Trên đây là Báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch phát triển ngành nông nghiệp (*lĩnh vực chăn nuôi, thú y*) năm 2026 và kế hoạch năm 2027 của UBND xã Sơn Tây Thượng, kính báo cáo Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh Quảng Ngãi tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh;
- Phòng Kinh tế;
- Trung tâm CƯĐVC xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Võ Thế Vinh